

CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THƯƠNG BINH, LIỆT SỸ TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945-1954)

TS NGÔ HOÀNG NAM

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Ngày nhận:

9-6-2022

Ngày thẩm định, đánh giá:

24-6-2022

Ngày duyệt đăng:

5-7-2022

Tóm tắt: Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954), Trung ương Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với thương binh, gia đình liệt sỹ. Đảng, Chính phủ đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách kịp thời tri ân, tôn vinh liệt sỹ, chăm lo gia đình liệt sỹ, chăm sóc, giúp đỡ thương binh, phát động phong trào “Đón thương binh về làng”... củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ, góp phần củng cố khối đoàn kết toàn dân, tạo thành sức mạnh tổng hợp đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Từ khóa:

*Chủ trương của Đảng;
thương binh, liệt sỹ;
kháng chiến chống Pháp*

1. Chủ trương, chính sách về chăm sóc, giúp đỡ thương binh

Trong quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp toàn dân, toàn diện, dựa vào sức mình là chính, Đảng đã sớm quan tâm và có những chủ trương đối với công tác thương binh, liệt sỹ, thể hiện sự tôn vinh, quan tâm chăm lo, tri ân của Đảng, Nhà nước và nhân dân đối với các anh hùng liệt sỹ, chiến sỹ đã công hiến, hy sinh xương máu vì nền độc lập dân tộc. Đề nhân dân cả nước có dịp bày tỏ tình cảm, lòng biết ơn tới các thương binh và gia đình liệt sỹ, tháng 6-1947,

Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị với Chính phủ chọn một ngày trong năm làm ngày Thương binh toàn quốc. Đầu tháng 7-1947, Ban Vận động tổ chức ngày Thương binh toàn quốc họp tại thôn Phú Minh, xã Phú Thịnh (Đại Từ, Thái Nguyên) đã nhất trí lấy ngày 27-7 hằng năm làm ngày Thương binh toàn quốc¹. Từ đó, ngày Thương binh toàn quốc 27-7 trở thành ngày nhân dân cả nước tri ân, chăm sóc và giúp đỡ thương binh, gia đình liệt sỹ, người có công với cách mạng.

Nhân lần đầu tiên tổ chức ngày Thương binh toàn quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tặng chiếc

áo lụa cho Ban Tổ chức bán đấu giá lấy tiền gây quỹ giúp đỡ thương binh. Cụ Cao Triều Phát, đại biểu Quốc hội khóa I cùng bà con tín đồ Minh Chơn Đạo ở Cà Mau cùng nhau quyên góp được 160.000 đồng để mua chiếc áo với giá cao nhất². Cũng trong dịp này, tháng 7-1947, An đường Đường số 1³ được thành lập ở xã Lục Ba, (Đại Từ, Thái Nguyên) để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng và chăm sóc thương binh.

Nhằm đẩy mạnh và thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Mùa đông binh sĩ”, ngày 7-9-1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Về việc vận động “Mùa đông binh sĩ”. Chỉ thị nêu rõ: “1. Tích cực tuyên truyền vận động để cho có kết quả mỹ mãn; 2. Tránh địa phương chủ nghĩa. Các nơi, quyên được bao nhiêu, phải báo cáo cho Trung ương rõ để có thể trích chỗ thừa cho chỗ thiếu; 3. Tránh bắt dân chúng ủng hộ một cách bắt buộc, làm cho thấy việc giúp đỡ binh sĩ là một cái ách cho họ. Chúng ta đã quyên của dân nhiều rồi, lần này phải để tùy nhiệt tâm của dân. Trong những lần tổ chức quyên trước, chúng ta thường mắc mấy khuyết điểm trên. Lần này các đồng chí chú ý tránh”⁴.

Cuộc vận động mùa Đông binh sĩ của Đảng được quán triệt rộng khắp, nhờ đó phong trào diễn ra khắp nơi cả trong và ngoài nước, trên tinh thần tự nguyện và thu được nhiều kết quả. Ngày 26-10-1947, Liên công đoàn công nhân Kông-Ken (Thái Lan) tổ chức ngày mùa đông binh sĩ, nguyện triệt để ủng hộ Chính phủ và cương quyết trường kỳ kháng chiến⁵. Tháng 12-1947, tại Nam Định, Thanh niên cứu quốc thôn Cự Phú (Phương Đề, Trực Ninh) ủng hộ 30 áo trấn thủ. Liên hiệp Công đoàn Nam Định ủng hộ 50 áo sợi dệt, 9 áo cộc nâu và 3.508 đồng. Các vị thân hào, thân sĩ hai huyện Nghĩa Hưng, Vụ Bản ủng hộ 900 đồng. Tại Hà Tây, công nhân huyện Phú Xuyên ủng hộ 3.176 đồng, công nhân thợ may Hoàng Xá (Ứng

Hòa) ủng hộ 5 áo sợi, công nhân thợ may Tảo Khê (Ứng Hòa) ủng hộ 6 áo trấn thủ, công nhân thợ dệt Hòa Xá (Ứng Hòa) ủng hộ 109 chiếc khăn mặt⁶. Nhân dân huyện Thường Tín (Hà Tây) cũng đóng góp 732 áo trấn thủ và 83 chăn kháng chiến⁷.

Hội Phật giáo cứu quốc cũng nhiệt tình hưởng ứng phong trào gây quỹ mùa Đông binh sĩ, điển hình như: Hội Phật giáo cứu quốc huyện Mỹ Đức (Hà Đông) ủng hộ 650 đồng⁸. Tại huyện Yên Khánh (Ninh Bình), Hội Phật giáo cứu quốc xã Phú Nhạc ủng hộ 2.133 đồng, xã Xuân An ủng hộ 300 đồng, xã Khang Ninh ủng hộ 771 đồng⁹. Phật giáo cứu quốc tỉnh Hà Nam cũng tích cực ủng hộ, trong đó: huyện Thanh Liêm 2.151 đồng 60 hào, huyện Kim Bảng 2.099 đồng 70 hào, huyện Bình Lục 780 đồng, huyện Duy Tiên 280 đồng, huyện Lý Nhân 248 đồng¹⁰.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, thể chế hóa chủ trương của Đảng, Chính phủ ban hành nhiều sắc lệnh, chính sách đối với thương binh, liệt sỹ: Ngày 16-2-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 20/SL đặt ra chế độ “Hưu bổng thương tật” và “Tiền tuất cho thân nhân tử sĩ”, đây là văn bản pháp quy đầu tiên về công tác thương binh, liệt sỹ đối với công cuộc kháng chiến cứu nước của dân tộc. Cũng theo sắc lệnh này, thương binh được cấp Sở hưu bổng thương tật¹¹. Ngày 26-2-1947, Bộ Quốc phòng ban hành Nghị định số 240/NĐ thành lập Phòng Thương binh thuộc Chính trị cục, Quân đội quốc gia Việt Nam để giúp kế hoạch và đôn đốc, kiểm soát Ban Thương binh các khu, đây là cơ quan chỉ đạo công tác thương binh đầu tiên của cả nước.

Nhằm bổ sung một số điều cho phù hợp với tình hình đất nước, ngày 12-10-1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 242/SL đặt ra “Hưu bổng thương tật” và “Tiền tuất cho thân nhân tử sĩ” bổ khuyết Sắc lệnh số 20/SL. Ngày 17-11-1954, Liên bộ Thương binh - Y tế - Quốc phòng

- Tài chính ra Nghị định số 19/NĐ về “Điều lệ ưu đãi thương binh, dân quân, du kích, thanh niên xung phong bị thương tật”,... Theo đó, chế độ trợ cấp thương tật đối với thương binh không tính theo thâm niên, không phân biệt đang công tác hay về gia đình. Chính phủ cũng đã chủ trương đưa những thương binh không thể tiếp tục chiến đấu trong quân đội giải ngũ về địa phương hoặc chuyển về nuôi dưỡng lâu dài ở trại An dưỡng đường¹² hay nuôi dưỡng một thời gian rồi sắp xếp việc làm phù hợp.

Bước sang năm 1950, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp diễn ra ngày càng ác liệt, sự hy sinh xương máu của các chiến sỹ trên các chiến trường ngày càng nhiều. Trong bối cảnh đó, nhằm kịp thời động viên tinh thần cho thương binh và bộ đội trong dịp Tết Nguyên đán, ngày 30-1-1950, Trung ương Đảng điện gửi các liên khu “Về việc tổ chức Tết cho thương binh, bộ đội”. Điện văn nêu rõ: “Tổ chức Tết cho thương binh và bộ đội... Tổ chức các đoàn đại biểu đến trực tiếp thăm thương binh, bộ đội, gia đình bộ đội và thương binh, tử sỹ¹³. Đây là việc làm hết sức ý nghĩa, thể hiện sự biết ơn, chăm sóc kịp thời nhằm xoa dịu nỗi đau, sự mất mát cho những thương binh, đồng thời làm vui bớt nỗi nhớ quê cho những chiến sỹ đang chiến đấu tại khắp các chiến trường khi không thể ăn Tết cùng gia đình.

Xuất phát từ những chủ trương trên, công tác chăm sóc thương binh được tiến hành thường xuyên, liên tục và luôn có sự điều chỉnh để phù hợp hơn với tình hình thực tiễn đất nước.

2. Phát động phong trào “Đón thương binh về làng”

Từ năm 1951, quân và dân ta đẩy mạnh chống địch càn quét và mở nhiều chiến dịch lớn nhằm tạo thế và lực để tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Cùng với quá trình đó số lượng thương binh

ngày càng nhiều, phần lớn được đưa về tuyến sau chăm sóc rồi chuyển về quê hương. Để thương binh được ổn định về đời sống vật chất, vui vẻ về tinh thần và tham gia đóng góp cho xã hội, tháng 7-1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động phong trào “Đón thương binh về làng”. Trong “Thư gửi cụ Bộ trưởng Bộ Thương binh, cựu binh” tháng 7-1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh có những hướng dẫn rất cụ thể, thiết thực cho chính quyền địa phương đối với việc đón thương binh về làng thông qua việc gợi ý một số cách làm. Người viết: “1. Mỗi xã trích một phần ruộng công, nếu không có ruộng công thì mượn ruộng của những đồng bào hàng tâm hàng sản, nếu không mượn được ruộng thì chính quyền, đoàn thể và đồng bào trong xã chung sức phát vỡ một số đất mới để giúp thương binh; 2. Chính quyền, đoàn thể và đồng bào trong xã sẽ tổ chức việc cày cấy, chăm nom, gặt hái những ruộng đất ấy. Hoa lợi sẽ để nuôi thương binh; 3. Tùy theo số ruộng đất trích được, mượn được hoặc khai khẩn được, mà đón nhiều hoặc ít thương binh về xã. Anh em thương binh sẽ tùy sức mà làm những công việc nhẹ, như học may vá, đan lát, hớt tóc hoặc giúp việc phòng giấy, giúp việc binh dân học vụ trong làng... Như thế thì đồng bào mỗi xã đã được thỏa mãn lòng ước ao báo đáp anh em thương binh; mà anh em thương binh thì được yên ổn về vật chất và vui vẻ về tinh thần và vẫn có dịp tham gia sự hoạt động ích lợi cho xã hội”¹⁴.

Thực hiện chủ trương trên, phong trào “Đón thương binh về làng” được triển khai ở nhiều nơi. Điển hình ở Vĩnh Phúc, ngay từ những ngày đầu, nhân dân gửi cho thương binh gần 400.000 đồng¹⁵, hay tại Ninh Bình, giáo viên, nhân viên và học sinh trường Trung học Hoa Lư đóng góp 130 kg gạo ủng hộ thương binh¹⁶. Tại Tuyên Quang, chính quyền đã chuẩn bị hơn 1 mẫu ruộng tốt để sẵn sàng đón 50 thương binh. Phụ nữ xã Vĩnh

Kiên (Yên Bình) đã làm 2 mẫu nương, tổ chức quỹ thóc được 4.820kg để cấp dưỡng thương binh cho đến khi tự túc được lương thực, thực phẩm. Ngoài số thóc ủng hộ quỹ thương binh, nhân dân xã An Tường (Yên Sơn) còn ủng hộ thêm 2.203.000 đồng...¹⁷. Tại Thái Nguyên, Ủy ban Liên Việt xã Tràng An (Đại Từ) gây quỹ được 203 nôi thóc, 460.000 đồng, 82 con gà vịt, 9 mẫu ruộng cấy, 7 sào vườn. Ngoài chi tiêu được giao, căn cứ vào điều kiện thực tế, xã xin đón thêm 5 thương binh¹⁸. Phong trào đón thương binh về làng diễn ra sôi nổi tại tỉnh Phú Thọ. Xã Chi Lăng (huyện Phù Ninh) đã trích 2 mẫu ruộng công cho quỹ thương binh. Các mẹ chiến sỹ ủng hộ quỹ thương binh 100.000 đồng. Một số cụ phụ lão cũng nhận nuôi 1 thương binh cho đến khi có thể tự túc được lương thực, thực phẩm. Xã Tập Đoàn (huyện Phù Ninh) đã cấy cấy hơn 2 mẫu ruộng, trồng 1 sào sắn và trích công quỹ ra 740.000 đồng giúp quỹ thương binh. Xã Nguyễn Huệ đã dành cho quỹ thương binh 3,6 mẫu ruộng, 180 kg thóc và 449.800 đồng. Các cụ trong hội mẹ chiến sỹ ủng hộ 14 vạn đồng. Xã Xuân Huy (Lâm Thao) đã chia cho mỗi thương binh hơn 1 mẫu ruộng hai lúa, trích quỹ 15 tạ thóc để thương binh có lương ăn cho đến vụ mùa. Xã Nhật Tiến (Cẩm Khê) trong một tuần lễ đã làm giúp thương binh và gia đình tử sỹ 125 công, riêng thiếu nhi làm giúp 24 công cỏ lúa, hội mẹ chiến sỹ ủng hộ 89 con gà và ngan,... Ngoài ra, nhân dân trong xã còn gây quỹ được

370.000 đồng làm vốn cho thương binh làm nghề thủ công¹⁹.

Việc trợ cấp đối với thương binh, bệnh binh giai đoạn này cũng được quy định rất cụ thể. Theo Nghị định số 68-NĐ ngày 11-4-1951 của Bộ Thương binh - Cựu binh, thương binh, bệnh binh ở các trại của ngành Thương binh - Cựu binh được hưởng một khoản sinh hoạt phí là 30kg gạo. Ngày 29-4-1952, Bộ Thương binh -

Cựu binh ra Nghị định số 09-NĐ, trong đó quy định trường hợp thương bệnh binh ra khỏi trại an dưỡng đi nhận công tác, trở về quân đội hoặc về gia đình thì được hưởng một khoản trợ cấp bằng từ 1 đến 3 tháng sinh hoạt phí²⁰.

Để thực hiện tốt hơn công tác đón thương binh về làng, ngày 24-4-1953, Ban Bí thư ra Thông tri "Về việc vận động nhân dân đón thương binh, bệnh binh về xã". Thông tri nhấn mạnh: "Cuộc kháng chiến của ta ngày càng phát triển.

Số thương binh, bệnh binh ngày càng tăng, do đó cần đẩy mạnh hơn việc vận động nhân dân đón thương binh, bệnh binh về xã... Các cấp bộ đảng liên lạc với các Ủy ban Liên Việt các địa phương, các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các sở, các ty thương binh cựu binh để thảo luận chi tiết bản kế hoạch đó, phối hợp với tình hình địa phương mà thi hành"²¹. Nhờ đó, hoạt động đón thương binh về làng được các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể chú trọng, quan tâm chỉ đạo thực hiện. Thương binh được chia đất, chia trâu để làm ruộng và canh tác. Điền hình tại Thái

Ngày 16-2-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 20/SL đặt ra chế độ "Hưu bổng thương tật" và "Tiền tuất cho thân nhân tử sỹ", đây là văn bản pháp quy đầu tiên về công tác thương binh, liệt sỹ trong cuộc kháng chiến, cứu nước của dân tộc. Ngày 26-2-1947, Bộ Quốc phòng ban hành Nghị định số 240/NĐ thành lập Phòng Thương binh thuộc Chính trị cục, Quân đội quốc gia Việt Nam để giúp kế hoạch và đôn đốc, kiểm soát Ban Thương binh các khu, đây là cơ quan chỉ đạo công tác thương binh đầu tiên của cả nước.

Nguyên, mỗi thương binh về làng được chia 1 mẫu ruộng, 1 con trâu và 3 gian nhà ngói...²². Kết quả thực hiện phong trào đón thương binh về làng được nêu rõ trong *Thư Hồ Chủ tịch nhân dịp ngày thương binh 27-7-1954*, Người viết: "... nhiều nơi đã hăng hái đón thương binh, bệnh binh về xã, giúp đỡ anh em làm ăn và đã chiếu cố chu đáo các gia đình liệt sỹ. Thế là rất tốt. Đó là một cách để tỏ lòng nhân dân biết ơn những chiến sỹ đã có công giữ nước, giữ làng²³.

Cùng với việc chỉ đạo công tác đón thương binh về làng, ngày 31-8-1954, Ban Bí thư ra Chỉ thị "Về việc đón tiếp bộ đội, thương binh, một số cán bộ và đồng bào miền Nam ra Bắc". Chỉ thị nêu: "Số bộ đội, thương binh, cán bộ, nhân viên kỹ thuật, công nhân, một số gia đình cán bộ và số đồng bào định đưa từ miền Nam giới tuyến quân sự tạm thời ra miền Bắc ước độ 14 vạn. Việc đón tiếp, phân phối công tác, tìm nơi tạm ở và công ăn việc làm cho số người nói trên là rất trọng yếu, có ảnh hưởng và tác dụng chính trị rất lớn không những đối với tinh thần tư tưởng của những người ra ngoài này, mà còn có ảnh hưởng rất lớn đối với tinh thần đồng bào miền Nam ở trong kia... Vì vậy những việc đón tiếp, phân phối công tác, tìm nơi tạm ở, công ăn việc làm cho số người nói trên cần phải làm thật chu đáo và có kết quả thật tốt"²⁴. Thực hiện chủ trương trên, các địa phương được dự định và ấn định số lượng đón tiếp bộ đội, thương binh, cán bộ và đồng bào miền Nam ra Bắc đều thành lập ban phụ trách để thực hiện nhiệm vụ.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, việc đón tiếp bộ đội, thương binh, một số cán bộ và đồng bào miền Nam ra Bắc được triển khai, thực hiện hiệu quả. Mở đầu cho hoạt động này là sự kiện đón 89 chiến sỹ và cán bộ miền Nam bị thương tại sân bay Gia Lâm. Ra đón các chiến sỹ và cán bộ miền Nam ở sân bay có ông Vũ Đình Tụng, Bộ trưởng Bộ

Thương binh, đại diện Chính phủ, ông Nguyễn Văn Tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động và ông Lê Tất Đắc đại diện ban đón tiếp Trung ương, ông Hoàng Văn Đức, đại diện Mặt trận Liên Việt, ông Trần Kiệt đại diện Tổng cục Chính trị, ông Kỳ Vũ, đại diện Ủy ban quân chính Hà Nội, Đại tá Lê Quang Đạo, bác sỹ Phạm Ngọc Thạch cùng một số đại biểu các đoàn thể nhân dân²⁵. Trong "Bức thư của anh em thương bệnh binh miền Nam ra tập kết", đăng trên báo *Cứu quốc*, số 2682, ngày 12-12-1954, khẳng định ý nghĩa của việc đón tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng thương binh: "Lần này đi tập kết, chúng tôi càng thấy chính sách của Hồ Chủ tịch, Đảng và Chính phủ đối với thương binh, càng thấy tình thương của đồng bào đối với chúng tôi thể hiện trong việc săn sóc về vật chất và tinh thần... Tình thương đó đã an ủi chúng tôi, làm cho chúng tôi phấn khởi và càng thấm thía mối tình Nam Bắc thiêng liêng bền chặt..."²⁶. Đây là những việc làm kịp thời của lãnh đạo Đảng, Nhà nước đối với thương binh từ miền Nam tập kết ra Bắc, tăng thêm niềm tin và động lực để họ tiếp tục cống hiến cho đất nước.

3. Chủ trương, chính sách đối với liệt sỹ, gia đình liệt sỹ

Cùng với quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chăm lo mọi mặt đối với thương binh, Đảng, Chính phủ có chủ trương đúng đắn, những chính sách cụ thể, thiết thực để tôn vinh, tri ân đối với liệt sỹ, gia đình liệt sỹ, những người đã hi sinh vì sự nghiệp kháng chiến.

Ngày 19-12-1947, trong "Lời kêu gọi nhân kỷ niệm một năm kháng chiến toàn quốc", Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "... tôi thay mặt Chính phủ kính cẩn nghiêng mình trước anh hồn các chiến sỹ và đồng bào đã hy sinh vì nước, và gửi lời thân ái thăm hỏi các chiến sỹ và đồng bào bị thương cùng gia quyến các tướng sĩ..."²⁷.

Thế chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, theo Sắc lệnh số 20/SL (ngày 16-2-1947) và Sắc lệnh số 242/SL (ngày 12-10-1948) đặt ra “Hưu bổng thương tật” và “Tiền tuất cho thân nhân tử sỹ” bỏ khuyết Sắc lệnh số 20/SL, theo đó, đối với gia đình tử sỹ, ngoài trợ cấp tiền tuất, Nhà nước còn quy định trợ cấp tạm thời, trợ cấp đặc biệt đối với những trường hợp chưa được hưởng trợ cấp hàng tháng có hoàn cảnh khó khăn. Ngày 19-11-1948, Liên Bộ Tài chính - Quốc phòng - Thương binh có Nghị định số 49/NĐ-LB quy định chế độ hưu bổng cho thân nhân tử sỹ, nhưng do khả năng kinh tế của đất nước nên chưa thực hiện được²⁸.

Ngày 14-12-1954, Ban Bí thư ra Chỉ thị “Về việc tu sửa, thăm viếng mộ phần các liệt sỹ quân đội nhân dân đã hy sinh trong thời kỳ kháng chiến”. Chỉ thị nêu: “Trong cuộc kháng chiến cứu nước vừa qua, biết bao cán bộ và chiến sỹ bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích đã hy sinh xương máu để đem lại thắng lợi vĩ đại cho toàn dân. Công ơn ấy thật vô cùng lớn lao. Trước đây trong hoàn cảnh kháng chiến, việc giữ gìn và tu sửa, thăm viếng mộ phần liệt sỹ gặp nhiều khó khăn nên ta chưa làm được chu đáo. Ngày nay hòa bình đã được lập lại, hoàn cảnh thuận tiện hơn, chúng ta có nhiệm vụ lãnh đạo quân và dân tham gia việc sưu tầm, tu sửa thăm viếng và giữ gìn những mộ phần các liệt sỹ để tỏ lòng biết ơn của nhân dân đối với những con yêu của Tổ quốc đã vì nước bỏ mình... Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, cùng với các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích ở địa phương đặt kế hoạch vận động nhân dân tu sửa, thăm viếng mộ phần các liệt sỹ, kế hoạch đó phải được cấp ủy thông qua và cấp ủy phụ trách đôn đốc việc thực hiện”²⁹.

Với chủ trương chỉ đạo kịp thời của Đảng, việc tu sửa, thăm viếng mộ phần các liệt sỹ quân đội nhân dân hy sinh trong thời kỳ kháng chiến

được các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể chính trị xã hội triển khai rộng rãi, nhất là dịp 27-7 hàng năm. Điển hình cho hoạt động này là sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu đoàn đại biểu của Đảng, Chính phủ tới đặt vòng hoa ở Đài liệt sỹ Hà Nội, chiều ngày 31-12-1954. Trong Diễn từ đọc tại buổi lễ đặt vòng hoa ở đài liệt sỹ có đoạn nêu rõ: “Ngày mai là năm mới, là ngày đồng bào và bộ đội mừng Chính phủ về Thủ đô. Trong lúc cả nước vui mừng thì mọi người đều thương tiếc các liệt sỹ đã hy sinh vì Tổ quốc, vì dân tộc. Bác thay mặt nhân dân, Chính phủ và bộ đội kính cẩn nghiêng mình trước linh hồn bất diệt của các liệt sỹ. Các liệt sỹ đã hy sinh, nhưng công trạng to lớn của các liệt sỹ đã ghi sâu vào lòng dạ của toàn dân và non sông đất nước... Tiếng thơm của các liệt sỹ sẽ muôn đời lưu truyền với sử xanh...”³⁰.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đối với thương binh, liệt sỹ được hình thành và ngày càng hoàn chỉnh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác thương binh, liệt sỹ được thực hiện tốt, thể hiện tính ưu việt và bản chất tốt đẹp của Nhà nước Việt Nam, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, góp phần đưa cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi cuối cùng. Thành quả đạt được trong công tác thương binh, liệt sỹ trong kháng chiến chống Pháp không chỉ khẳng định tính đúng đắn chủ trương của Đảng mà còn để lại nhiều kinh nghiệm quý có ý nghĩa thực tiễn đối với hiện tại. Văn kiện Đại hội XIII (2021) của Đảng nhấn mạnh: “Hoàn thiện và thực hiện tốt luật pháp, chính sách đối với người có công trên cơ sở nguồn lực của Nhà nước và xã hội, bảo đảm người có công và gia đình có mức sống từ trung bình khá trở lên trong địa bàn cư trú. Cân đối ngân sách để tiếp tục thực hiện việc nâng mức trợ cấp xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công, giải quyết căn bản chính sách đối với người có công;

nâng cấp các công trình “đền ơn đáp nghĩa”³¹, và coi đây là một trong những nhiệm vụ quản lý phát triển xã hội bền vững, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội của đất nước.

1. Từ năm 1955, ngày Thương binh toàn quốc được đổi thành ngày Thương binh Liệt sỹ
2. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: *Lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, Nxb CTQG, H, 2006, Q.1, tr. 466
3. Còn có tên gọi là Trại An dưỡng liên khu Việt Bắc
- 4, 27. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2000, T.8, tr. 287-288, 347
5. *Việt Kiều đối với Mùa đông binh sỹ*, Báo *Cứu quốc*, số 753, ngày 14-11-1947
6. “Mùa đông kháng chiến”, Báo *Cứu quốc*, số 778, ngày 14-12-1947
7. “Mùa đông kháng chiến”, Báo *Cứu quốc*, số 779, ngày 15-12-1947
8. “Mùa đông kháng chiến”, Báo *Cứu quốc*, số 789, ngày 26-12-1947
9. “Mùa đông kháng chiến”, Báo *Cứu quốc*, số 791, ngày 28-12-1947
10. “Mùa đông kháng chiến”, Báo *Cứu quốc*, số 792, ngày 29-12-1947
11. Những quân nhân đủ điều kiện hưởng hưu bổng thương tật được cấp số lương hưu binh sỹ. Xem: Bộ Lao động - Thương binh và xã hội: *55 năm sự nghiệp “hiếu nghĩa bác ái” (27-7-1947-27-7-2002)*, Nxb Lao động - Xã hội, H, 2002, tr.240
12. An dưỡng đường được thành lập vào tháng 6-1947 đến năm 1953, có nhiệm vụ tiếp nhận những thương binh,

bệnh binh tàn phế, bệnh tật nặng hết khả năng làm việc, hay ốm đau không đủ sức làm việc

13. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2001, T.11, tr. 220
14. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T.7, tr.135-136
15. “Lòng nhân dân đối với thương binh”, Báo *Cứu quốc*, số 1767, ngày 6-3-1951
16. “Nhân dân Liên khu 3 thi đua ủng hộ bộ đội”, Báo *Cứu quốc*, số 1803, ngày 6-7-1951
17. “Nhân dân Tuyên Quang đã chuẩn bị hơn 59 mẫu ruộng tốt để đón thương binh về sản xuất”, Báo *Cứu quốc*, số 2161, ngày 9-9-1952
18. “Xã Trảng An, huyện Đại từ (Thái Nguyên) đón thêm thương bệnh binh mới và giúp đỡ thương bệnh binh cũ”, Báo *Cứu quốc*, số 2162, ngày 10-9-1952
19. “Tỉnh Phú thọ đã sốt sắng thực hiện đón thương bệnh binh về xã”, Báo *Cứu quốc*, số 2168, ngày 19-9-1952
- 20, 28. Bộ Lao động - Thương binh và xã hội: *55 năm sự nghiệp “hiếu nghĩa bác ái” (27-7-1947 - 27-7-2002)*, Nxb Lao động - Xã hội, H, 2002, tr.45, 33
21. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2001, T.14, tr.197-198
22. “Thương binh về làng”, Báo *Nhân dân*, số 210, ngày 31-7-1954
23. Nhân dịp này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi cho Bộ Thương binh 30.600 đồng do một kiều bào ở Trung Quốc gửi tặng và một tháng lương là 45.000 đồng để Bộ trưởng làm quà cho anh em thương binh, Nguồn: “Thư Hồ Chủ tịch nhân dịp ngày thương binh 27-7”, Báo *Nhân dân*, số 209, ngày 28-7-1954
- 24, 29. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2001, T.15, tr.259, 407-408
25. Nguồn: “89 chiến sỹ và cán bộ miền Nam bị thương đã đi máy bay ra Gia Lâm”, Báo *Nhân dân*, số 242, ngày 21-10-1954
26. “Bức thư của anh em thương bệnh binh miền Nam ra tập kết”, Báo *Cứu quốc*, số 2682, ngày 12-12-1954
30. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T.9, tr. 223
31. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQG, H, 2021, T.1, tr. 148-149.